

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2021/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 5 năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về Bảng giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 61/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 quy định về khung giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 275/2021/NQ-HĐND ngày 28/4/2021 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về Bảng giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 172/2019/NQ-HĐND ngày 15/12/2019 của HĐND tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1460/STNMT-ĐĐ1 ngày 24/4/2021, Văn bản số 1771/STNMT-ĐĐ1 ngày 18/5/2021; ý kiến thẩm định của: Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh tại Thông báo số*

1386/TB-UBND ngày 20/4/2021 và Thông báo số 1440/TB-HĐTD ngày 23/4/2021, của Sở Tư pháp tại Văn bản số 158/BC-STP ngày 25/4/2021.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về Bảng giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 61/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh:**

1. Sửa đổi Điều 5 như sau:

**“Điều 5. Vị trí đất phi nông nghiệp**

Đất phi nông nghiệp (bao gồm: đất ở; đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ) tại đô thị và nông thôn được xác định theo đoạn đường, tuyến đường. Riêng đối với đất sản xuất, kinh doanh tại 10 Khu công nghiệp và 21 cụm Công nghiệp được quy định tại Bảng 8 kèm theo Quyết định này.”

2. Sửa đổi một số nội dung tại Bảng 6 và Bảng 7 kèm theo Quy định như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Bảng 6 giá đất ở, đất thương mại dịch vụ và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị (Bảng 1 kèm theo).

b) Sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Bảng 7 giá đất ở, đất thương mại, dịch vụ và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn (Bảng 2 kèm theo).

3. Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 7 như sau:

“c) Bảng giá đất sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh (Bảng 8 kèm theo)”.

4. Bổ sung khoản 7 Điều 7 như sau:

“7. Giá đất sản xuất kinh doanh trong 10 Khu công nghiệp và 21 Cụm công nghiệp được quy định tại Bảng 8 kèm theo. Không áp dụng giá đất sản xuất kinh doanh quy định tại Bảng 6, Bảng 7 Quyết định số 61/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh ở các tuyến đường, đoạn đường đi qua 10 Khu công nghiệp và 21 Cụm công nghiệp và cách tính giá đất theo quy định tại Điều 9 về xử lý giá đất phi nông nghiệp đối với những thửa đất trong trường hợp đặc biệt của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 61/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh để tính giá đất tại 10 Khu công nghiệp và 21 Cụm công nghiệp.”

**Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ


quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/6/2021.
2. Quy định chuyên tiếp:

Trường hợp đã có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì áp dụng theo quy định về giá đất đã ban hành./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PTTH tỉnh (để đăng tin);
- Các Phó VP/UB;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- <http://dhtn.hatinh.gov.vn>;
- Lưu VT, NL<sub>2</sub>. 

(để b/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Ngọc Sơn**

**Bảng 8.**  
**Bảng giá đất sản xuất kinh doanh tại các**  
**khv công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh**  
*(Kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh)*  
*ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

STT	Tên cụm, khu công nghiệp	Mức giá (đồng/m <sup>2</sup> )
I	CỤM CÔNG NGHIỆP	
1	CCN Thạch Đồng (TPHT)	750.000
2	CCN Trung Lương (TXHL)	600.000
	CCN Trung Lương (phần mở rộng, chưa có hạ tầng)	260.000
3	CCN Nam Hồng (TXHL)	600.000
4	CCN Phù Việt (TH)	400.000
5	CCN Bắc Cẩm Xuyên (CX)	600.000
6	CCN Thạch Kim (LH)	750.000
7	CCN Công Khánh 1 (TXHL)	260.000
8	CCN Công Khánh 2 (TXHL)	260.000
9	CCN Thái Yên (ĐT) (đã cho thuê trả tiền một lần)	215.000
10	CCN huyện Đức Thọ	250.000
11	CCN Trường Sơn (ĐT)	200.000
12	CCN Khe Cò (HS)	110.000
13	CCN Yên Huy (CL) (đã cho thuê trả tiền một lần)	96.000
14	CCN Gia Phố (HK)	110.000
15	CCN huyện Can Lộc	200.000
16	CCN Cẩm Nhượng (CX)	200.000
17	CCN Kỳ Hưng (TXKA)	200.000
18	CCN Kỳ Ninh (TXKA)	200.000
19	CCN Thạch Bằng (LH)	200.000
20	CCN Xuân Lĩnh (NX)	250.000
21	CCN Vũ Quang (VQ)	70.000
II	KHU CÔNG NGHIỆP	
1	KCN Vũng Áng 1 (KKTVA)	1.000.000
2	KCN Đại Kim (KKT CT)	350.000
3	KCN Gia Lách (NX)	350.000
4	KCN Phú Vinh (KKTVA) (đã cho thuê trả tiền 1 lần)	158.000
5	KCN Hoàn Sơn (KKTVA)	200.000
6	KCN phụ trợ phía Tây Nam đường tránh Quốc lộ 1A (KKTVA)	200.000
7	KCN Hạ Vàng (CL)	200.000

<b>STT</b>	<b>Tên cụm, khu công nghiệp</b>	<b>Mức giá (đồng/m<sup>2</sup>)</b>
8	Các khu quy hoạch CN khác trong KKT Vũng Áng (CN 4, CN 5...)	200.000
9	QH Khu công nghiệp phía tây thành phố Hà Tĩnh.	250.000
10	QH khu công nghiệp nam thị xã Hồng Lĩnh.	250.000

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**